TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2019/HS-ST Ngày 09 - 5 - 2019	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và bà Bùi Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bắc A, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1985, tại: Xã X, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Xuân Đoài, xã X, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bắc D và bà Bùi Thị L; có vợ Nguyễn Thị Hằng N và có 02 con; tiền sự không; Tiền án, có 02 tiền án:

- Tại Bản án số 25/2011/HS-ST ngày 23/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện O, Thành phố Hà Nội xử phạt A 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc A phải bồi thường cho anh Trương Vinh H1 số tiền 8.000.000 đồng, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 400.000đồng. A ra trại ngày 17/9/2013, đã chấp hành xong phần án phí, chưa chấp hành số tiền bồi thường.

- Tại Bản án số 15/2014/HSST ngày 18/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt A 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm", án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và tại Bản án số 81/2014/HSST ngày 20/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt A 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với hình

phạt tù tại Bản án số 15, buộc A phải chấp hành hình phạt là 05 năm 06 tháng tù, buộc bồi thường cho anh Lê Văn H2 3.500.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Văn H3 5.500.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 đồng. Ra trại ngày 28/9/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2018 đến nay, "có mặt".

2. Trần Hai B, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1992, tại: Xã Z, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 2, xã Z, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Y; có vợ Nguyễn Thị Quỳnh M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không**.**

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2018 đến nay, "có mặt".

Người bị hại:

- Ông Vũ Văn T, sinh năm 1972, "có mặt".

Địa chỉ: Thôn Bắc Cường, thị trấn U, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Khổng Thị S, sinh năm 1995, "có mặt".

Địa chỉ: Thôn Xuân Chiểu, xã E, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Đặng Thị Ánh Q, sinh năm 1995, "có mặt".

Địa chỉ: Thôn Kim Lâu 5, xã E, huyện I, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954, "vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn A Long, xã Tản Linh, huyện O, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1965 , "có mặt".

Địa chỉ: Thôn Chân Chim, xã R, huyện Đ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ 50 phút ngày 23/11/2018, Công an huyện V phối hợp cùng Công an xã E tiến hành tuần tra tại khu vực đê bối Thuộc địa phận thôn Hậu Lộc, xã E đã phát hiện Trần Hai B và Nguyễn Bắc A đi trên 01 xe mô tô, loại xe Vision, màu sơn xanh, Biển kiểm soát: 29Y1- 378.15 theo hướng từ xã E, Vĩnh Tường về xã E, huyện I có biểu hiện nghi vấn trộm cắp tài sản. Công an huyện V cùng Công an xã E đã yêu cầu A và B dừng xe để kiểm tra thì phát hiện và tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm: Tạm giữ của A 01 xe mô tô Honda, Vision, Biển kiểm soát: 29Y1- 378.15; 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 75.000 đồng; 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên A, 01 đăng ký

xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen; 01 chiếc điện thoại Oppo màu trắng; 01 vam phá khóa bằng kim loại hình chữ "T". Tạm giữ của B 01 điện thoại Nokia 1202, màu xanh.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra A và B khai nhận vào ngày 14/11/2018 đã cùng nhau trộm cắp 01 chiếc xe mô tô tại địa bàn thị trấn U, huyện V. Ngoài ra A và B còn thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô khác tại các địa bàn xã E, huyện V; xã Đại Tự, huyện I và xã K, huyện O, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 06/11/2018, A đem theo 01 bộ vam phá khóa hình chữ "T" rồi điều khiển xe mô tô Honda, loại xe Vision, màu xanh, Biển kiểm soát 29Y1- 378.15 đến nhà B và rủ B đi trộm cắp xe mô tô thì B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở A ngồi phía sau đến địa bàn huyện I, Vĩnh Phúc để xem ai để xe mô tô sơ hở sẽ trộm cắp. Khi đi đến khu vực Trạm y tế xã Đại Tự, huyện I thì A và B quan sát thấy ở sân Trạm y tế có dựng chiếc xe mô tô Honda, loại xe Lead, màu vàng, Biển kiểm soát: 88F1- 172.50 của chị Đặng Thị Ánh Q không có người trông giữ quản lý nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. B dừng xe ở cổng Trạm y tế đứng cảnh giới cho A đi đến dùng vam phá khóa trộm cắp xe mô tô của chị Q. Sau khi phá được ổ khóa điện, A đề nổ máy xe và điều khiển xe tẩu thoát, còn B cũng điều khiển xe đi theo sau. Trên đường đi, A dừng xe lại kiểm tra trong cốp xe vừa trộm cắp thấy có số tiền 2.000.000 đồng nên đã cất số tiền này vào trong người rồi cả hai đi về địa bàn thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Sau đó, A đã đem chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được của chị Q đi bán cho một nam thanh niên không quen biết tại khu vực bến xe thị xã Sơn Tây được số tiền 6.000.000 đồng, A giữ lại 3.000.000 đồng và đưa cho B 3.000.000 đồng. Số tiền này, A và B đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 27/11/2018, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc có yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Lạc định giá xác định giá trị chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88F1- 172.50 của chị Q bị trộm cắp. Ngày 04/12/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện I có kết luận định giá xác định chiếc xe mô tô nêu trên có giá trị là 18.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/11/2018, A đem theo 01 bộ vam phá khóa hình chữ "T" rồi điều khiển xe mô tô Honda, loại xe Vision, màu xanh, Biển kiểm soát 29Y1- 378.15 đến nhà B và rủ B đi trộm cắp xe mô tô thì B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở A ngồi phía sau sang địa bàn huyện V, Vĩnh Phúc để xem ai để xe mô tô sơ hở sẽ trộm cắp. Đến khoảng hơn 08 giờ 00 cùng ngày, B điều khiển xe mô tô chở A đi đến khu vực cánh đồng thuộc địa phận thôn Xuân Chiểu, xã E, huyện V thì quan sát thấy ở lề đường có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda, loại xe Wave alpha, màu xanh, Biển kiểm soát: 88D1- 187.15 của chị Khổng Thị S. Quan sát xung quanh không có ai để ý, A bảo B dừng xe để A đi đến trộm cắp chiếc xe mô tô của chị S. B đồng ý và dừng xe lại đứng cảnh giới cho A đi đến trộm cắp xe mô tô. A xuống xe, đi đến vị trí dựng xe mô tô của chị S rồi lấy

vam phá khóa cắm vào ổ khóa điện rồi dùng hai tay vặn vam phá ổ khóa. Sau khi phá được ổ khóa điện, A đề nổ máy xe rồi điều khiển xe tẩu thoát còn B cũng điều khiển xe đi theo sau rồi cả hai đi về địa bàn thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Sau đó, A đã đem chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được của chị S đi bán cho một nam thanh niên không quen biết tại khu vực bến xe thị xã Sơn Tây được số tiền 3.000.000 đông, A giữ lại 1.700.000 đồng và đưa cho B 1.300.000 đồng. Số tiền này, A và B đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 18/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường có yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường định giá xác định giá trị chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88D1- 187.15 của chị S bị trộm cắp nêu trên. Ngày 19/02/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường có kết luận định giá xác định chiếc xe mô tô nêu trên có giá trị là 9.720.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 14/11/2018, A gọi điện thoại rủ B đi trộm cắp xe mô tô thì B đồng ý. A lấy 01 bộ vam phá khóa hình chữ "T" đem theo rồi điều khiển xe mô tô Honda, loại xe Vision, màu xanh, Biển kiểm soát 29Y1-378.15 đến đón B. Sau khi đón được B thì B điều khiển xe mô tô chở A ngồi phía sau sang địa bàn huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để xem có ai để xe mô tô sơ hở sẽ trộm cắp. Đến khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô chở A đi đến khu vực đường liên xã thuộc địa phận thôn Nam Cường, thị trấn U, Vĩnh Tường theo hướng từ thị trấn U đi xã Tân Cương, huyện V. Trên đường đi, A và B quan sát thấy ở lề đường bên phải theo hướng đang đi có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda, loại xe Wave alpha, màu xanh - đen- bạc, Biển kiểm soát: 88L1- 503.82 của anh Vũ Văn T. Quan sát xung quanh không có ai để ý, A bảo B dừng xe để A đi đến trộm cắp chiếc xe mô tô của anh T, còn B đi qua vị trí dựng chiếc xe mô tô của anh T khoảng 16m thì dừng lại đứng cảnh giới. A xuống xe, đi đến vị trí dựng xe mô tô của anh T, lấy vam phá khóa ra cắm vào ổ khóa điện rồi dùng hai tay vặn vam để phá ổ khóa. Sau khi phá được ổ khóa điện, A dắt lùi xe ra đường rồi đề nổ máy xe đi về hướng xã Tân Cương. Thấy A đã trộm cắp được xe, B cũng điều khiển xe đi theo sau rồi cả hai đi về địa bàn thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Sau đó, A đã đem chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được của anh T đi bán cho một nam thanh niên không quen biết tại khu vực bến xe thị xã Sơn Tây được số tiền 4.000.000 đồng, A giữ lại 2.000.000 đồng và đưa cho B 2.000.000 đồng.

Ngày 23/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường có yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường định giá xác định giá trị chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88L1- 503.82 của anh T bị trộm cắp. Cùng ngày, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường có kết luận định giá xác định chiếc xe mô tô nêu trên có giá trị là 15.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 20/11/2018 A đem theo 01 bộ vam phá khóa hình chữ "T" rồi điều khiển xe mô tô Honda, loại xe Vision, màu xanh, Biển kiểm soát: 29Y1- 378.15 đến nhà B và rủ B đi trộm cắp xe mô tô thì B đồng

ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở A ngồi phía sau đến địa bàn huyện O, Hà Nội để xem ai để xe mô tô sơ hở sẽ trộm cắp. Khi đi đến khu vực gần cổng chào Trường Tiểu học Tản Lĩnh thuộc thôn Đức Thịnh, xã K, Ba Vì, B rẽ vào khu cổng trường và quan sát thấy có nhiều xe mô tô đang dựng trước cổng trường, không có người quản lý, trong đó có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn nâu, Biển kiểm soát: 29V1- 083.06 của bà Nguyễn Thị Th đang dựng ở đó nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. B dừng xe, quay đầu xe lại đứng cảnh giới cho A đi đến dùng vam phá khóa trộm cắp xe mô tô của bà Th. Sau khi phá được ổ khóa điện, A đề nổ máy xe đi và điều khiển xe tẩu thoát còn B cũng điều khiển xe đi theo sau rồi cả hai đi về địa bàn thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Sau đó, A đã đem chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được của bà Th đi bán cho một nam thanh niên không quen biết tại khu vực bến xe thị xã Sơn Tây được số tiền 2.000.000 đồng, A giữ lại 1.000.000 đồng và đưa cho B 1.000.000 đồng. Số tiền này A và B đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 23/11/2018, B tiếp tục điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 29Y1- 378.15 chở A sang địa bàn huyện V để trộm cắp xe mô tô thì bị Công an huyện Vĩnh Tường kiểm tra phát hiện như nêu trên.

Ngày 03/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Vì có yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Ba Vì định giá để xác định giá trị chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 29V1- 083.06 của bà Th bị trộm cắp. Ngày 05/12/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Ba Vì có kết luận định giá xác định chiếc xe mô tô nêu trên có giá trị là 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh T yêu cầu hai bị cáo A và B phải bồi thường lại số tiền 15.000.000 đồng; chị S yêu cầu hai bị cáo bồi thường lại số tiền 9.720.000 đồng; bà Th yêu cầu hai bị cáo bồi thường lại số tiền 15.000.000 đồng; chị Q yêu cầu hai bị cáo bồi thường lại số tiền 18.000.000 đồng tương ứng với giá trị xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp. Ngoài ra chị Q yêu cầu hai bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng để trong cốp xe bị trộm cắp. Bị cáo A và B đồng ý bồi thường nhưng hiện chưa có điều kiện sau này khi nào chấp hành án xong hai bị cáo đi làm có Th nhập mới có điều kiện bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSVT ngày 21 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố bị cáo Nguyễn Bắc A về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Hai B về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với các bị cáo; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24 tháng 11 năm 2018.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24 tháng 11 năm 2018. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Bắc A và bị cáo Trần Hai B phải liên đới bồi thường cho ông Vũ Văn T số tiền 15.000.000 đồng; bồi thường cho chị Khổng Thị S số tiền 9.720.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 15.000.000 đồng; bồi thường cho chị Đặng Thị Ánh Q số tiền 20.000.000 đồng. Trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là ½.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại chị Đặng Thị Ánh Q trình bày: Ngày 06/11/2018 tại Trạm y tế xã Đại Tự, huyện I chị có bị kẻ gian lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu sơn vàng, Biển kiểm soát 88F1- 172.50, bên trong cốp xe có số tiền 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra làm rõ bị cáo A và bị cáo B là người trộm cắp xe của chị. Do xe bị mất không thu hồi được nên chị yêu cầu bị cáo A và bị cáo B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất là 18.000.000 đồng (theo định giá của cơ quan điều tra) và số tiền 2.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng, đồng thời xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Khổng Thị S trình bày: Ngày 13/11/2018 tại khu vực cánh đồng thuộc địa phận thôn Xuân Chiểu, xã E, huyện V chị có bị kẻ gian lấy trộm chiếc xe mô tô Wave alpha, màu sơn xanh, Biển kiểm soát: 88D1- 187.15. Quá trình điều tra cơ quan điều tra làm rõ bị cáo A và bị cáo B là người trộm cắp xe của chị. Do xe bị mất không thu hồi được nên chị yêu cầu bị cáo A và bị cáo B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất là 9.720.000 đồng, đồng thời xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại ông Vũ Văn T trình bày: Ngày 14/11/2018 tại khu vực đường liên xã thuộc địa phận thôn Nam Cường, thị trấn U, huyện V ông có bị kẻ gian lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, Biển kiểm soát: 88L1- 503.82. Quá trình điều tra cơ quan điều tra làm rõ bị cáo A và bị cáo B là người trộm cắp xe của ông. Do xe bị mất không thu hồi được nên ông yêu cầu bị cáo A và bị cáo B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất là 15.000.000 đồng, đồng thời xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ngày 20/11/2018 tại khu vực cổng chào Trường Tiểu học Tản Lĩnh Thộc thôn Đức Thịnh, xã K, huyện O, Hà Nội bà có bị kẻ gian lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn nâu, Biển kiểm soát: 29V1- 083.06. Quá trình điều tra cơ quan điều tra làm rõ bị cáo A và bị cáo B là người trộm cắp xe của bà. Do xe bị mất không thu hồi được nên bà yêu cầu bị cáo A và bị cáo B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất là 15.000.000 đồng, đồng thời xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Ngọc C trình bày: Gia đình ông có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn xanh, BKS: 29Y1- 378.15, đăng ký xe mang tên con gái ông Nguyễn Thị H. Tháng 7/2018, con gái ông là chị H đi làm ăn xa và đã giao lại xe cùng đăng ký xe cho ông quản lý và sử dụng. Khoảng tháng 8/2018, bị cáo A (là con rể ông) có mượn chiếc xe trên để sử dụng. Khi cho A mượn, ông không biết A sẽ sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản, nay cơ quan điều tra đang tạm giữ chiếc xe trên, ông đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô trên cùng giấy tờ xe để làm phương tiện sử dụng. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo A và bị cáo B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, các bị cáo khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/11/2018 đến ngày 20/11/2018 bị cáo A và bị cáo B đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại các địa bàn xã E và thị trấn U, huyện V, Vĩnh Phúc; xã Đại Tự, huyện I, Vĩnh Phúc và xã K, huyện O, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị các tài sản trộm cắp được là 59.720.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng hơn 13 giờ ngày 06/11/2018, tại khu vực Trạm y tế xã Đại Tự, huyện I, bị cáo A và bị cáo B đã thực hiện việc trộm cắp của chị Đặng Thị Ánh Q, sinh năm 1995, trú tại xã E, huyện I 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu sơn vàng, Biển kiểm soát: 88F1- 172.50 trị giá 18.000.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng (để trong cốp xe).

Lần 2: Khoảng trưa ngày 13/11/2018, tại khu vực cánh đồng thuộc địa phận thôn Xuân Chiểu, xã E, huyện V bị cáo A và bị cáo B đã thực hiện việc trộm cắp của chị Khổng Thị S, sinh năm 1995, trú tại xã E, huyện V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn xanh, Biển kiểm soát: 88D1- 187.15, trị giá tài sản trộm cắp là 9.720.000 đồng.

Lần 3: Khoảng hơn 10 giờ ngày 14/11/2018, tại khu vực đường liên xã thuộc thôn Nam Cường, thị trấn U, huyện V, bị cáo A và bị cáo B đã thực hiện việc trộm cắp của anh Vũ Văn T, sinh năm 1972, trú tại thị trấn U, huyện V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn xanh – đen - bạc, Biển kiểm soát: 88L1- 503.82 trị giá tài sản trộm cắp là 15.000.000 đồng.

Lần 4: Khoảng trưa ngày 20/11/2018, tại cổng trường Tiểu học Tản Lĩnh thuộc thôn Đức Thịnh, xã K, huyện O, Thành phố Hà Nội, bị cáo A và bị cáo B đã thực hiện việc trộm cắp của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954, trú tại xã K, huyện O, Thành phố Hà Nội 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn nâu, Biển kiểm soát: 29V1- 083.06 trị giá tài sản trộm cắp là 15.000.000 đồng.

[3] Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản thực nghiệm điều tra, phù hợp với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

[3.1] Đối với bị cáo A đã có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 25/2011/HS-ST ngày 23/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội xử phạt A 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tại Bản án số 15/2014/HSST ngày 18/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt A 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm", án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và tại Bản án số 81/2014/HSST ngày 20/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt A 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với hình phạt tù tại Bản án số 15, buộc A phải chấp hành hình phạt là 05 năm 06 tháng tù đến nay đều chưa được xóa án tích; bị cáo lại liên tục cùng với bị cáo B thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trong khoảng thời gian từ ngày 06/11/2018 đến ngày 20/11/2018, các lần trộm cắp trị giá tài sản đều trên 2.000.000 đồng và tổng trị giá tài sản 04 lần trộm cắp là 59.720.000 đồng. Bản thân bị cáo A không có nghề nghiệp gì, chỉ đi lang thang để trộm cắp tài sản và sử dụng tiền có được do bán tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính. Do đó, lần phạm tội này bị cáo A phải chịu các tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng và Tái phạm nguy hiểm. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Đối với bị cáo B đã cùng với bị cáo A thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trong khoảng thời gian từ ngày 06/11/2018 đến ngày 20/11/2018, các lần trộm cắp trị giá tài sản đều trên 2.000.000 đồng và tổng trị giá tài sản 04 lần trộm cắp là 59.720.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo B đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"2. Phạm tội Thộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:….

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

g) Tái phạm nguy hiểm".

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong vụ án này, bị cáo A là người chủ mưu, rủ rê bị cáo B phạm tội, chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo B là người điều khiển xe mô tô lai A đi tìm tài sản trộm cắp, đứng cảnh giới cho A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên B đồng phạm với vai trò người giúp sức.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã tự thú về các hành vi phạm tội trước đó chưa bị phát hiện; bị cáo B có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo A thành khẩn khai báo, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật và ham muốn kiếm tiền bất chính nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc các bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp và không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh T yêu cầu hai bị cáo A và B phải liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất số tiền là 15.000.000 đồng; chị S yêu cầu hai bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất số tiền là 9.720.000 đồng; bà Th yêu cầu hai bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất số tiền là 15.000.000 đồng; chị Q yêu cầu hai bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị chiếc xe bị mất số tiền là 18.000.000 đồng tương ứng với giá trị xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp. Ngoài ra chị Q yêu cầu hai bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng để trong cốp xe bị trộm cắp. Tại phiên tòa bị cáo A và B đồng ý liên đới bồi thường toàn bộ, mỗi bị cáo bồi thường một nửa, tuy nhiên

hiện các bị cáo chưa có tiền sau này khi nào chấp hành án xong đi làm có thu nhập mới có điều kiện bồi thường. Do đó cần buộc bị cáo A và bị cáo B liên đới bồi thường cho anh T số tiền 15.000.000 đồng; chị S số tiền 9.720.000 đồng; bà Th số tiền 15.000.000 đồng; chị Q số tiền 20.000.000 đồng; trong đó kỷ phần mỗi bị cáo là một phần hai.

[8] Về vật chứng của vụ án:

[8.1] Đối với 01 vam phá khóa bằng kim loại hình chữ "T" là công cụ A dùng để trộm cắp tài sản nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen thu của A và 01 điện thoại Nokia 1202 thu của B. Quá trình điều tra xác định, A và B sử dụng 02 chiếc điện thoại này để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản nên tịch thu, bán phát mại sung quỹ Nhà nước.

[8.2] Đối với 01 ví giả da màu nâu, số tiền 75.000 đồng; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn Bắc A; 01 chiếc điện thoại Oppo màu trắng thu của A. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của A, nên trả lại cho A nhưng cần tiếp tục tạm giữ ví giả da màu nâu, số tiền 75.000 đồng, điện thoại để đảm bảo việc thi hành án.

[8.3] Đối với 01 xe mô tô Honda, loại xe Vision, màu sơn xanh, Biển kiểm soát: 29Y1- 378.15 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H tạm giữ của A. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên cùng đăng ký xe là tài sản của gia đình ông Nguyễn Ngọc C do chị H đứng tên (hiện nay H không có mặt ở địa phương, không rõ H ở đâu, làm gì). Tháng 7/2018, con gái ông là chị H đi làm ăn xa và đã giao lại xe cùng đăng ký xe cho ông quản lý và sử dụng. Đến tháng 8/2018, A mượn xe cùng đăng ký xe trên của ông C. Khi cho A mượn, ông không biết A sẽ sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản, nay cơ quan điều tra đang tạm giữ chiếc xe trên, ông đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô trên cùng giấy tờ xe để làm phương tiện sử dụng, do vậy cần trả lại chiếc xe mô tô trên cùng đăng ký xe cho ông C.

[9] Đối với 04 chiếc xe mô tô gồm: Xe mô tô BKS: 88L1- 503.82, 88D1- 187.15, 29V1- 083.06 và 88F1- 172.50 do A và B đã trộm cắp được. Quá trình điều tra, A khai đã bán cho một số người đàn ông không quen biết, đến nay cơ quan điều tra chưa thu hồi được nên Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

[10] Đối với ông Nguyễn Ngọc C là người cho A mượn chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 29Y1- 378.15 và A đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định khi cho A mượn xe ông C không biết A sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[11] Đối với những người đàn ông đã mua những chiếc xe mô tô do A và B trộm cắp mà có nêu trên. Quá trình điều tra, A khai không biết tên tuổi, địa chỉ những người mà chỉ gặp ở ngoài đường khi trao đổi, mua bán xe với nhau. Cơ quan điều tra

đã tiến hành xác minh về những người này nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[12] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo A và bị cáo B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.493.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bắc A và bị cáo Trần Hai B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bắc A 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24 tháng 11 năm 2018.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Hai B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24 tháng 11 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Bắc A và bị cáo Trần Hai B phải liên đới bồi thường cho ông Vũ Văn T số tiền 15.000.000 đồng; bồi thường cho chị Khổng Thị S số tiền 9.720.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 15.000.000 đồng; bồi thường cho chị Đặng Thị Ánh Q số tiền 20.000.000 đồng. Trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 1/2, cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Bắc A phải bồi thường cho ông T số tiền 7.500.000 đồng; bồi thường cho chị S số tiền 4.860.000 đồng; bồi thường cho bà Th số tiền 7.500.000 đồng; bồi thường cho chị Q số tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Hai B phải bồi thường cho ông T số tiền 7.500.000 đồng; bồi thường cho chị S số tiền 4.860.000 đồng; bồi thường cho bà Th số tiền 7.500.000 đồng; bồi thường cho chị Q số tiền 10.000.000 đồng

Kể từ ngày ông T, chị S, bà Th và chị Q có đơn yêu cầu thi hành án mà A, B chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng A, B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 vam phá khóa bằng kim loại hình chữ "T" là công cụ các bị cáo dùng để trộm cắp tài sản.

Tịch thu, bán phát mại sung quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen thu của A và 01 điện thoại Nokia 1202 thu của B là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản.

Trả lại cho A 01 ví giả da màu nâu, số tiền 75.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Oppo màu trắng thu của A; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn Bắc A là tài sản hợp pháp của A không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền 75.000 đồng, điện thoại Oppo màu trắng để đảm bảo việc thi hành án.

Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc C 01 xe mô tô Honda, loại xe Vision, màu sơn xanh, Biển kiểm soát: 29Y1- 378.15 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Hoài không liên quan đến việc phạm tội.

Tất cả vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường lập ngày 28 tháng 3 và ngày 26 tháng 4 năm 2019.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo A và bị cáo B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.493.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Những gười tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQĐT - CA huyện Vĩnh Tường;
- CQCSTHAHS - CA huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng